

Loại thuốc

Thuốc kháng histamin.

Chế phẩm

Viên nén, sirô.

VIÊN NÉN DESLORATADIN

Là viên nén chứa desloratadin. Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc viên nén” (Phụ lục 1.20) và các yêu cầu sau đây:

Hàm lượng desloratadin, $C_{19}H_{19}ClN_2$, từ 93,0 % đến 105,0 % so với lượng ghi trên nhãn.

Định tính

A. Trong phần Định lượng, thời gian lưu của pic chính trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải tương ứng với thời gian lưu của pic chính trên sắc ký đồ của dung dịch chuẩn.

B. Trong phần Định lượng, phổ hấp thụ từ ngoại xác định trên pic chính của dung dịch thử phải có các cực đại hấp thụ và cực tiểu hấp thụ giống với phổ hấp thụ từ ngoại xác định trên pic chính của dung dịch chuẩn.

Độ hòa tan (Phụ lục 11.4)

Thiết bị: Kiểu cánh khuấy.

Môi trường hòa tan: 500 ml dung dịch acid hydrochloric 0,1 M (TT).

Tốc độ quay: 50 r/min.

Thời gian: 45 min.

Cách tiến hành:

Dung dịch thử: Sau thời gian hòa tan quy định, lấy một phần dịch hòa tan, lọc qua màng lọc 0,45 μm , bỏ 5 ml dịch lọc đầu.

Dung dịch chuẩn: Dung dịch chứa 0,01 mg/ml desloratadin chuẩn trong môi trường hòa tan.

Đo độ hấp thụ (Phụ lục 4.1) của các dung dịch thu được ở bước sóng 282 nm, trong cốc đo dày 1 cm. mẫu trắng là môi trường hòa tan.

Tính lượng desloratadin, $C_{19}H_{19}ClN_2$, hòa tan dựa vào độ hấp thụ của dung dịch thử, dung dịch chuẩn và nồng độ của desloratadin trong dung dịch chuẩn.

Yêu cầu: Không ít hơn 80 % (Q) lượng desloratadin, $C_{19}H_{19}ClN_2$, so với lượng ghi trên nhãn được hòa tan trong 45 min.

Độ đồng đều đơn vị liều

Đáp ứng yêu cầu của Phụ lục 11.9.

Phương pháp sắc ký lỏng (Phụ lục 5.3) với pha động, dung môi pha mẫu, dung dịch chuẩn, điều kiện sắc ký và cách tiến hành như mô tả ở phần Định lượng.

Dung dịch thử: Lấy 1 viên cho vào bình định mức 50 ml, thêm 5 ml nước, lắc để viên rã. Thêm methanol (TT) đến khoảng 70 % thể tích bình, lắc siêu âm 10 min, để nguội và thêm methanol (TT) đến vạch. Lắc đều, ly tâm lấy dịch

trong. Pha loãng 10,0 ml dung dịch thu được thành 50,0 ml bằng dung môi pha mẫu.

Tạp chất liên quan

Phương pháp sắc ký lỏng (Phụ lục 5.3). Bảo quản các dung dịch chứa desloratadin tránh ánh sáng.

Pha động A: Hòa tan 4,35 g *dikali hydrophosphat* (TT) trong 1 L nước, điều chỉnh đến pH 3,2 bằng *acid phosphoric* (TT).

Pha động B: *Acetonitril* (TT).

Pha động C: *Methanol* (TT).

Dung môi pha mẫu: *Methanol* - nước (90 : 10).

Dung dịch thử: Lấy 20 viên nén, cho vào bình định mức dung tích thích hợp. Thêm nước khoảng 10 % thể tích bình, để các viên rã. Thêm methanol (TT) khoảng 50 % thể tích bình, khuấy trong ít nhất 60 min. Để dung dịch về nhiệt độ phòng và thêm methanol (TT) đến vạch. Ly tâm dung dịch thu được, lấy phần dịch trong làm dung dịch thử (dung dịch chứa 0,2 mg/ml desloratadin).

Dung dịch đối chiếu (1): Dung dịch chứa 0,002 mg/ml desloratadin chuẩn và tạp chất F chuẩn của desloratadin trong dung môi pha mẫu.

Dung dịch đối chiếu (2): Dung dịch chứa 0,1 $\mu g/ml$ desloratadin chuẩn trong dung môi pha mẫu.

Điều kiện sắc ký:

Cột kích thước (15 cm $\times$ 4,6 mm) được nhồi pha tĩnh B (3 μm).

Nhiệt độ cột: 35 °C.

Detector quang phổ tử ngoại đặt ở bước sóng 241 nm.

Tốc độ dòng: 1,0 ml/min.

Thể tích tiêm: 20 μl .

Cách tiến hành:

Tiến hành sắc ký theo chương trình dung môi như sau:

Thời gian (min)	Pha động A (% tt/tt)	Pha động B (% tt/tt)	Pha động C (% tt/tt)
0	70	15	15
12	70	15	15
30	40	30	30
45	40	30	30
47	70	15	15
55	70	15	15

Thời gian lưu tương đối so với desloratadin: Decloro desloratadin khoảng 0,37; dehydro desloratadin khoảng 1,4; tạp chất F khoảng 1,8; loratadin khoảng 2,7.

Kiểm tra tính phù hợp của hệ thống: Trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu (1), số đĩa lý thuyết tính trên pic desloratadin không nhỏ hơn 1500; độ lệch chuẩn tương đối của diện tích pic desloratadin thu được từ 6 lần tiêm lặp lại không lớn hơn 5,0 %. Trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu (2), tỷ số tín hiệu trên nhiễu không nhỏ hơn 10 đối với pic desloratadin.

Tính hàm lượng phần trăm của tạp chất F trong chế phẩm dựa vào diện tích pic tạp chất F trên sắc ký đồ của dung

DEXAMETHASON

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

dịch thử, dung dịch đối chiếu (1) và nồng độ của tạp chất F trong dung dịch đối chiếu (1).

Tính hàm lượng phần trăm mỗi tạp chất không xác định trong chế phẩm, nếu có, dựa vào diện tích pic tạp chất trên sắc ký đồ của dung dịch thử, diện tích pic desloratadin trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu (1) và nồng độ của desloratadin trong dung dịch đối chiếu (1).

Giới hạn:

Tạp chất F: Không được quá 0,30 %.

Tạp chất khác: Mỗi tạp chất không được quá 0,2 %.

Tổng tạp chất: Không được quá 0,50 %.

Bỏ qua các tạp chất có hàm lượng bằng hoặc dưới 0,05 % và các tạp chất decloro desloratadin, dehydro desloratadin, loratadin.

Ghi chú:

Decloro desloratadin: 6,11-Dihydro-11-(piperidin-4-yliden)-5H-benzo[5,6]cyclohepta[1,2-b]pyridin.

Dehydro desloratadin: 8-Cloro-11-(piperidin-4-yliden)benzo[5,6]cyclohepta[1,2-b]pyridin.

Loratadin: 8-Cloro-6,11-dihydro-11-(1-ethoxycarbonylpiperidin-4-yliden)-5H-benzo[5,6]cyclohepta[1,2-b]pyridin.

Tạp chất F: 8-Cloro-6,11-dihydro-11-(N-formyl-4-piperidinyliden)-5H-benzo[5,6]cyclohepta[1,2-b]pyridin.

Định lượng

Phương pháp sắc ký lỏng (Phụ lục 5.3). Sử dụng bình thủy tinh màu.

Dung dịch đệm: Hòa tan 4,35 g *dikali hydrophosphat* (TT) trong 1 L nước, điều chỉnh đến pH 3,0 bằng *acid phosphoric* (TT).

Pha động: *Methanol* - *dung dịch đệm* (20 : 80).

Dung môi pha mẫu: *Methanol* - *nước* (90 : 10).

Dung dịch thử gốc: Lấy 20 viên nén, cho vào bình định mức dung tích thích hợp. Thêm *nước* khoảng 10 % thể tích bình, để các viên rã. Thêm *methanol* (TT) khoảng 50 % thể tích bình, khuấy trong ít nhất 60 min. Để dung dịch về nhiệt độ phòng và thêm *methanol* (TT) đến vạch. Ly tâm dung dịch thu được, lấy phần dịch trong làm dung dịch thử gốc (dung dịch chứa 0,2 mg/ml desloratadin).

Dung dịch thử: Pha loãng 5,0 ml dung dịch thử gốc thành 50,0 ml bằng dung môi pha mẫu.

Dung dịch chuẩn: Dung dịch chứa 0,02 mg/ml desloratadin chuẩn trong dung môi pha mẫu.

Điều kiện sắc ký:

Cột kích thước (15 cm × 4,6 mm) được nhồi pha tĩnh *nitrid silica gel* dùng cho sắc ký (5 μm).

Nhiệt độ cột: 30 °C.

Detector quang phổ tử ngoại đặt ở bước sóng 241 nm.

Tốc độ dòng: 1,0 ml/min.

Thể tích tiêm: 20 μl.

Thời gian chạy sắc ký bằng 4,2 lần thời gian lưu của desloratadin.

Cách tiến hành:

Kiểm tra tính phù hợp của hệ thống: Trên sắc ký đồ của dung dịch chuẩn, hệ số đối xứng của pic desloratadin không lớn hơn 2,0 và độ lệch chuẩn tương đối của diện

tích pic desloratadin thu được từ 6 lần tiêm lặp lại không lớn hơn 2,0 %.

Tính hàm lượng phần trăm của C₁₉H₁₉ClN₂ trong chế phẩm dựa vào diện tích pic desloratadin thu được trên sắc ký đồ của dung dịch thử, dung dịch chuẩn và hàm lượng của C₁₉H₁₉ClN₂ trong desloratadin chuẩn.

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, ở nhiệt độ phòng có điều nhiệt.

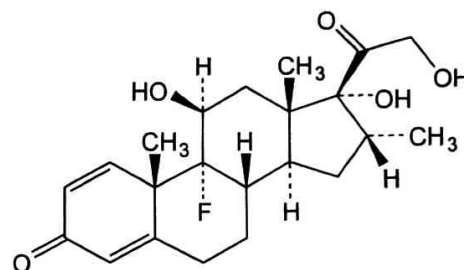
Loại thuốc

Thuốc kháng histamin.

Hàm lượng thường dùng

5 mg.

DEXAMETHASON



C₂₂H₂₉FO₅

P.t.l: 392,5

Dexamethason là 9-fluoro-11β,17,21-trihydroxy-16α-methylpregna-1,4-dien-3,20-dion, phải chứa từ 97,0 % đến 103,0 % C₂₂H₂₉FO₅, tính theo chế phẩm đã làm khô.

Tính chất

Bột kết tinh trắng hoặc gần như trắng.

Thực tế không tan trong nước, hơi tan trong ethanol khan, khó tan trong methylen clorid.

Định tính

Có thể chọn một trong hai nhóm định tính sau:

Nhóm I: A, C.

Nhóm II: B, C, D, E.

A. Phổ hấp thụ hồng ngoại (Phụ lục 4.2) của chế phẩm phải phù hợp với phổ hấp thụ hồng ngoại của dexamethason chuẩn.

B. Hòa tan 10,0 mg chế phẩm trong *ethanol* (TT) và pha loãng thành 100,0 ml với cùng dung môi. Lấy 2,0 ml dung dịch thu được cho vào ống nghiệm thủy tinh có nút mài, thêm 10,0 ml *dung dịch phenylhydrazin - acid sulfuric* (TT), trộn đều và đun nóng trong cách thủy ở 60 °C trong 20 min. Làm nguội ngay. Độ hấp thụ (Phụ lục 4.1) của dung dịch thu được đo ở bước sóng cực đại 419 nm không được nhỏ hơn 0,4.

C. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *Butanol bão hòa nước - toluen - ether* (5 : 10 : 85).

Hỗn hợp dung môi: *Methanol - methylen clorid* (1 : 9).